

Cần Thơ, ngày 22 tháng 04 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm

Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để mua hóa chất sử dụng trên các máy hiện có tại đơn vị sử dụng tại Bệnh viện trong thời gian xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2026, cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ.
2. Thông tin tiếp nhận báo giá: DS. Nguyễn Thị Phượng Châu, khoa Dược – Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, số 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923.748393

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi bản giấy báo giá có đóng dấu và gửi kèm theo bảng mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có) về nơi tiếp nhận báo giá có thông tin ít nhất như *phụ lục 02*, ngoài phong bì ghi: **Bản báo giá cung cấp hóa chất/ vật tư y tế** và đồng thời gửi file Excel báo giá về địa chỉ mail: kduoc.bvndct@gmail.com

Danh mục hóa chất/ vật tư/ trang thiết bị y tế: *chi tiết phụ lục 01 đính kèm.*

4. Thời gian tiếp nhận báo giá từ 9 giờ 00 phút ngày 23 tháng 04 năm 2026 đến trước 9 giờ 00 phút ngày 05 tháng 05 năm 2026 (12 ngày kể cả thứ 7, chủ nhật, lễ, tết)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2026.

Rất mong nhận được sự quan tâm của các Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm.

Trân trọng./ *Boal*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC *Boal*



BS. CKII. Ông Huy Thanh

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ MUA BỔ SUNG

(Đính kèm Yêu cầu Báo giá số 809/TM.BVND ngày 22 tháng 04 năm 2026)

STT	Danh mục Vật tư y tế - Hóa chất	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
I. HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG ≥ 33 THÔNG SỐ - NIHON KOHDEN MEK 9100 (07 mặt hàng)					
1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Chất lỏng, dùng làm chất pha loãng để đo công thức máu hoàn chỉnh(đếm tế bào) bằng máy phân tích huyết học Độ pH: 7.35 đến 7.55 Thành phần: Sodium chloride, Sodium sulphate anhydrous Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485, CE G7 Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động ≥ 33 thông số Nihon Kohden MEK-9100	ml	2.304.000	
2	Hóa chất ly giải hồng cầu để đo Hemoglobin dùng cho máy phân tích huyết học	Chất lỏng, dùng làm chất ly giải các tế bào hồng cầu để đo Hemoglobin bằng máy phân tích huyết học Độ pH: 7.0 đến 7.6 Thành phần: chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485,CE, G7 Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động ≥ 33 thông số Nihon Kohden MEK-9100	ml	6.000	
3	Hóa chất ly giải hồng cầu để bách phân 5 thành phần bạch cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Chất lỏng, dùng làm chất ly giải các tế bào hồng cầu để đo bách phân 5 thành phần bạch cầu bằng máy phân tích huyết học Độ pH: 8.0 đến 8.6 Thành phần: chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Tiêu chuẩn ISO 13485,CE,G7 Hóa chất tương thích với hệ thống máy xét nghiệm huyết học tự động ≥ 33 thông số Nihon Kohden MEK-9100	ml	6.000	



9	Xét nghiệm Định lượng ALT/GPT	<p>Hóa chất xét nghiệm Định lượng ALT/GPT; phương pháp đo JSCC; dải đo 3~1,000 U/L; Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 43.7 U/L ALT là <= 1.58% và mức nồng độ 136.1 U/L ALT là <= 1.32% Kết quả CV(%) (của độ tái lập) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 43.7 U/L ALT là <= 3.17% và mức nồng độ 136.1 U/L ALT là <= 2.38% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena</p>	Test	15.000	
10	Xét nghiệm Định lượng AST/GOT	<p>Hóa chất xét nghiệm Định lượng AST/GOT; phương pháp đo JSCC; dải đo 5~1000 U/L; Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 40.2 U/L AST là <= 1.25% và mức nồng độ 178.1 U/L AST là <= 0.80% Kết quả CV(%) (của độ tái lập) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 40.2 U/L AST là <= 2.67% và mức nồng độ 178.1 U/L AST là <= 2.00% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena</p>	Test	15.000	
11	Xét nghiệm Định lượng AMYLASE	<p>Hóa chất xét nghiệm Định lượng AMYLASE; phương pháp đo G7CNP IFCC; dải đo 2 ~ 2000 U/L; Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 104.0 U/L AMYG7 là <= 0.99% và mức nồng độ 339.3 U/L ALT là <= 0.49% Kết quả CV(%) (của độ tái lập) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 104.0 U/L AMYG7 là <= 1.46% và mức nồng độ 339.3 U/L ALT là <= 1.47% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena</p>	Test	600	
12	Xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic)	<p>Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic); phương pháp đo SOD/POD; dải đo 8.84 - 8840 μmol/L. Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 76.5 μmol/L CRE là <= 1,54% và mức nồng độ 269.8 μmol/L CRE là <= 1.22% Kết quả CV(%) (của độ tái lập) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 76.5 μmol/L CRE là <= 2.45% và mức nồng độ 269.8 μmol/L CRE là <= 1.79% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena</p>	Test	12.000	
13	Xét nghiệm Định lượng Glucose	<p>Hóa chất xét nghiệm Định lượng Glucose (Hexokinase); phương pháp đo HK/G6D-PH Method; dải đo 0.02 - 66.6 mmol/L; Kết quả CV(%) (của độ lặp lại) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 4.40 mmol/L Glucose là <= 0.81% và mức nồng độ 10.60 mmol/L Glucose là <= 0.82% Kết quả CV(%) (của độ tái lập) khi chạy theo hướng dẫn của CLSI với mức nồng độ 4.40 mmol/L Glucose là <= 1.21% và mức nồng độ 10.60 mmol/L Glucose là <= 1.25% Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016 ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena</p>	Test	10.200	

24	Xét nghiệm Định Lượng Lipase	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Lipase; phương pháp đo Kinetic colorimetric direct; dải đo: 5 - 250 U/L; Repeatability CV<=4.1%; Between days CV<=2.7%, Total CV<=4.9% ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	Test	1.680	
25	Chất hiệu chuẩn Lipase	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Lipase, dạng dạng đông khô; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	mL	4	
26	Nước rửa Alkaline Washing Solution	Dung dịch kiềm sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Nonionic Surfactant, others ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	mL	30.000	
27	Nước rửa Acid Washing Solution	Dung dịch acid sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Nonionic Surfactant, others ; Thuộc Nhóm G7 Tương thích Sử dụng cho máy sinh hóa tự động- RX Modena	mL	30.000	
III- HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM TRÊN MÁY MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG - Access 2 (17 mặt hàng)					
28	Chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức IA PREMIUM PLUS 1.2 AND 3	Sản phẩm được dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt). Tiêu chuẩn chất lượng : CFS	ml	2.080	
29	Dung dịch rửa dùng cho máy miễn dịch tự động	Sản phẩm được dùng với Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit, khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1). Tiêu chuẩn chất lượng : CFS	ml	117.000	
30	Định lượng hsTnI	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme hai bước liên tiếp ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 2,3-27027 pg/mL; Tiêu chuẩn chất lượng : CFS Tương thích Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access	test	1.000	
31	Định lượng ferritin	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương (heparin) người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme hai vị trí (kiểu "sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,2-1500 ng/mL [$\mu\text{g/L}$]; Tiêu chuẩn chất lượng : CFS Tương thích với máy miễn dịch tự động Access 2	test	1.000	
32	Chất chuẩn Ferritin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh động vật đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin và ferritin ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 10, 50, 200, 500, 1500 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng : CFS Tương thích với máy miễn dịch tự động Access 2	ml	24	
33	Định lượng Cortisol	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol trong huyết tương (chống đông bằng heparin hoặc EDTA), huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,4-60 $\mu\text{g/dL}$ [$11-1655 \text{ nmol/L}$]; Tiêu chuẩn chất lượng : CFS Tương thích với máy miễn dịch tự động Access 2	test	1.000	

43	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2	Giếng phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL Tiêu chuẩn chất lượng : CFS Tương thích với máy miễn dịch tự động Access 2	cái	7.840	
44	Ống lấy mẫu 0.5 mL	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch; Chất liệu: Polystyrene; đáy tròn; dung tích: 0,5 mL. Tiêu chuẩn chất lượng : CFS Tương thích Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access	cái	5.000	
IV. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HbA1C - D10 (02 mặt hàng)					
45	Bộ thuốc thử định lượng Hemoglobin	Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng hemoglobin A1C ở máu toàn phần của người bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Bộ Thuốc thử bao gồm các vật tư tương đương 400 xét nghiệm Tiêu chuẩn ISO 13485 Tương thích với máy đo Hemoglobin HbA1c D - 10	Hộp	4	
46	Bộ hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm HbA1	Hóa chất kiểm soát chất lượng được sử dụng trong xác định định lượng HbA1c. Hai mức độ: Thành phần: - Sản phẩm dạng đông khô được chuẩn bị từ máu toàn phần người. Tiêu chuẩn ISO 13485 Tương thích với máy đo Hemoglobin HbA1c D - 10	Lọ	12	
V. VẬT TƯ Y TẾ LỄ					
47	Bộ xô lỗ tai	Bộ xô lỗ tai bao gồm: kim khâu tròn 1/4 đầu cắt thép không gỉ, chỉ không tan tự nhiên 37.5cm, bông y tế 3cmx3cm, tăm bông.	bộ	30	
Tổng cộng: 47 mặt hàng, tương ứng 05 lô/phần					